

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày: 22/01/2019.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: **Phạm Văn Lợi, Nguyễn Hữu Trọng**

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đắc Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Anh Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 152/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Lê Công Tr, sinh năm 1971; Nơi sinh, HKTT: thôn M, Xã Phú N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công V (đã chết) và con bà Phạm Thị G, sinh năm 1939; có vợ Lê Thị M- Sinh năm 1971 và 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/11/2018 đến ngày 20/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. Lê Xuân T, sinh năm 1986; Nơi sinh, HKTT: thôn M, Xã Phú N, huyện Ch, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân M, sinh năm 1957 và con bà Lê Thị H (đã chết), có vợ Nguyễn Thị Y, sinh năm 1988 và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2018 đến ngày

20/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại (*Có mặt tại phiên tòa*).

3. Bị cáo: Nguyễn Đức L– sinh năm 1985; Nơi sinh, HKTT: thôn M, Xã Phú N, huyện C, Thành phố Hà Nội; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức C (đã chết) và con bà Lê Thị H, sinh năm 1961; có vợ: Dương Thị T, sinh năm 1986 và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2018 đến ngày 20/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại, (*có mặt tại phiên tòa*).

4. Bị cáo: Lê Công U– sinh năm 1992; nơi sinh, HKTT: thôn M, Xã Phú N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: làm ruộng; *Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt N, đã bị UBKT Huyện Ủy C, Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 145 ngày 02/12/2018*; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công Tr và con bà Lê Thị M; có vợ Lê Thị P, sinh năm 1997 và 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2018 đến ngày 20/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại tại (*có mặt tại phiên tòa*).

5. Bị cáo: Nguyễn Đức D– sinh năm 1984; Nơi sinh, HKTT: thôn M, Xã Phú N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; *Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt N, đã bị UBKT Huyện Ủy C, Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 146 ngày 10/12/2018*;trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1953 và con bà Lê Thị N, sinh năm 1955, có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1988 và 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2018 đến ngày 20/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, (*Có mặt tại phiên tòa*).

6. Bị cáo: Lê Xuân B, sinh năm 1965; nơi sinh, HKTT: thôn M, Xã Phú N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân T (đã chết) và con bà Lê Thị T(đã chết); có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 và 3 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2018 đến ngày 20/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, (*Có mặt tại phiên tòa*).

7. Bị cáo: Nguyễn Giang N, sinh năm 1980; nơi sinh, HKTT: thôn M, Xã Phú N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Cán bộ công chức Xã Phú N An, *là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt N, đã bị UBKT huyện Ủy C, Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 144 ngày 10/12/2018*; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và con bà Vũ Thị T, sinh năm 1952; có vợ: Nguyễn Thị Thu H: sinh năm 1981 và 2 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2018 đến ngày 20/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, (*Có mặt tại phiên tòa*).

8. Bị cáo: Nguyễn Đức U, sinh năm 1966; nơi sinh, HKTT: thôn M, Xã Phú N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1933; có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 và 2 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2018 đến ngày 20/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, (*Có mặt tại phiên tòa*).

9. Bị cáo: Lê Danh M, sinh năm 1976; nơi sinh, HKTT: thôn M, Xã Phú N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Danh L- sinh năm 1945 và con bà Lê Thị S- sinh năm 1942; có vợ Lê Thị S- Sinh năm 1978 và 2 con. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2018 đến ngày 20/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (*Có mặt tại phiên tòa*).

10. Bị cáo: Lê Công Đ, sinh năm 1973; nơi sinh, HKTT: thôn M, Xã Phú N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công V (Chết).và con bà Phạm Thị G, sinh năm 1939; có vợ Lê Thị H, sinh năm 1978 và 03 con. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2018 đến ngày 20/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, (*Có mặt tại phiên tòa*).

11. Bị cáo: Lê Xuân A, sinh năm 1973; nơi sinh, HKTT: thôn M, Xã Phú N, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân

Th (đã chết) và con bà Lê Thị T(đã chết).có vợ Vũ Thị T- Sinh năm 1974 và 01 con;tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2018 đến ngày 20/11/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/11/2018, gia đình Lê Công Tr ở Thôn M, xã Phú N, huyện C, TP. Hà Nội chuẩn bị làm lễ ăn hỏi cho con gái tại nhà của Lê Công Tr. Khoảng 20 giờ ngày 17/11/2018 thì có anh em bạn bè hàng xóm với Lê Công Tr là Lê Danh M, Lê Xuân T, Lê Xuân A đến chơi. Trong khi ngồi chơi uống nước, Tr, A, M, T rủ nhau chơi “ba cây” ăn tiền, bằng bài lá tú lơ khơ. Chủ nhà Lê Công Tr đồng ý và đi mua bộ bài lá tú lơ khơ về chọn lấy 36 quân bài từ quân Át đến quân 9 làm dụng cụ đánh bạc chơi tại nhà ở của Tr và Lê Công U(là con trai Tr). Hình thức chơi, các đối tượng lấy bộ bài tú lơ khơ gồm 36 quân từ Át đến 9, chia cho mỗi người 03 quân bài rồi cộng điểm, người nào có tổng số điểm cao nhất thì A và những người còn lại đặt tiền bị thua, người nào bài được tổng 10 điểm thì được cầm “chương” mỗi lần tiền đặt cửa đánh bạc từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng. Tr, A M, T Đánh bạc được một lúc thì có Nguyễn Giang N, Lê Xuân B, Nguyễn Đức D, Lê Công Đ, Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức U đến và Lê Công U đi chơi về thấy đánh bạc tại nhà của mình không ngăn cản mà cùng tham gia đánh bạc. Sau khi chơi khoảng 30 phút có N, B vào chơi Tr đứng dậy đón tiếp còn A đánh bạc bị thua hết 30.000đ thì đứng dậy không đánh bạc nữa chỉ còn N, B, Dương, Đ, L, U, U, T, M tiếp tục đánh bạc (U và D)chơi ké cửa với L, U) các bị cáo đánh bạc đến 23 giờ thì bị Công an huyện Chương Mỹ bắt giữ quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 bộ bài lá tú lơ khơ gồm 36 quân bài từ quân át đến quân 9, 01 chiếu cói; tiền thu trên chiếu bạc 1.500.000đồng. Tổng số tiền thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc là 22.480.000đồng.

Trong đó số tiền các bị can dùng đánh bạc và sẽ dùng đánh bạc là 10.660.000đồng (Mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), Thu trong người các bị cáo không sử dụng đánh bạc là 13.320.000đồng trong đó của Lê Xuân T 10.500.000đồng; Lê Công Đ: 320.000đồng; Lê Xuân A: 2.500.000đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội:

- Lê Công Tr là chủ nhà, đã đồng ý chuẩn bị bài cho các đối tượng đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền. Khi đánh bạc, Tr có 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) sử dụng đánh bạc. Bị cáo Tr được M, B, T mỗi người tự bỏ 50.000đồng tiền phé thu được 150.000đ.

- Lê Công U là con Lê Công Tr ở cùng nhà sau khi đi chơi về không ngăn cản việc đánh bạc tại chỗ ở của bị cáo, khi tham gia đánh bạc U có 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được Nguyễn Giang N trả nợ 500.000đồng. U đã sử dụng cả 800.000đồng đánh bạc.

- Nguyễn Đức L tham gia đánh bạc có khoảng 2.750.000đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

- Lê Danh M có khoảng 220.000đồng (Hai trăm hai mươi nghìn đồng). Trong khi đánh bạc có đưa cho chủ nhà 50.000.000đ.

- Lê Xuân B có khoảng 420.000đồng đánh bạc, có đưa cho chủ nhà 50.000đồng.

- Nguyễn Giang N có 400.000đồng đánh bạc, khi A bạc, N trả nợ cho Lê Công U 500.000đồng và cho Lê Công Đ 100.000đồng.

- Nguyễn Đức U có khoảng 340.000 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng) đánh bạc.

- Lê Xuân A có 2.530.000đ. A lấy 30.000đồng ra đánh bạc với Tr, M, T bị thua hết 30.000đồng, thì đứng dậy không đánh bạc nữa.

- Lê Công Đ có khoảng 320.000đồng ngồi xem không dùng đánh bạc. Trong lúc ngồi xem, được Nguyễn Giang N cho 100.000đồng, thì Đ sử dụng 100.000đồng đánh bạc bị thua.

- Nguyễn Đức D có 600.000đồng dùng đánh bạc.

- Lê Xuân T có 12.500.000đồng. T chỉ lấy 2.000.000đồng ra sử dụng đánh bạc, còn 10.500.000đồng để trong túi quần không sử dụng đánh bạc. Khi đánh bạc T tự lấy 50.000đồng ra cùng với M, B đưa cho chủ nhà.

Số tiền các bị cáo để trong ví không bỏ ra ngoài để đánh bạc gồm có: của Lê Xuân T 10.500.000đồng; Lê Công Đ số tiền 320.000đồng; Lê Xuân A 2.500.000 đồng. Ngày 05/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chương Mỹ có Quyết định xử lý vật chứng số 11 trả lại số tiền trên cho Lê Xuân T, Lê Công Đ, Lê Xuân A.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 12/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ đã truy tố Lê Công Tr, Lê Danh M, Lê Xuân A, Lê Xuân T Lê Công U,

Nguyễn Giang N, Lê Xuân B, Nguyễn Đức D, Lê Công Đ, Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức U về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận đúng nội dung cáo trạng.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Giang N xuất trình và nộp Huân chương kháng chiến hạng 3, thẻ thương binh của bố đẻ là ông Nguyễn Văn V, bị cáo Lê Danh M có bố đẻ tham gia kháng chiến chống Mỹ bị nhiễm chất độc da cam đã nộp quyết định, bị cáo Lê Xuân A và Lê Xuân B có bà nội là bà mẹ Việt Nam anh Hùng đã nộp các giấy tờ lưu hồ sơ vụ án.

Các bị cáo đều xác định hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Áp dụng:* Khoản 1,3 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Lê Công Tr, Lê Công U, Nguyễn Đức L, Lê Xuân T, Lê Danh M,**

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ Luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Lê Xuân A, Lê Xuân B, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức U, Lê Công Đ.**

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ Luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo **Nguyễn Giang N.**

Áp dụng khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Lê Xuân B, Lê Danh M và Lê Xuân A.

- *Về tội danh:* Tuyên bố các bị cáo Lê Công Tr, Lê Công U, Nguyễn Đức L, Lê Xuân T, Lê Danh M, Lê Xuân A, Lê Xuân B, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức U, Lê Công Đ, Nguyễn Giang N phạm tội “*Đánh bạc*”.

- *Về hình phạt chính:* Đề nghị xử phạt các bị cáo Lê Công Tr, Lê Công U mỗi bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức L, Lê Xuân T, Lê Danh M,** mỗi bị cáo từ 8 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng.

Đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Xuân A, Lê Xuân B, Nguyễn Đức D, Nguyễn Đức U, Lê Công Đ** mỗi bị cáo từ 6 tháng đến 9 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khẩu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Giang N** từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

-Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

-Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà Nước số tiền 10.660.000đồng, tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 36 quân bài 01 chiếu cói đã được thu giữ trong vụ án

-Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và điều luật áp dụng:

Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra Công an huyện Chương Mỹ và tại phiên tòa, lời khai người làm chứng có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17/11/2018, tại nhà ở của Lê Công Tr và con trai là Lê Công U ở thôn M, xã Phú N, huyện C, TP. Hà Nội. Gia đình Lê Công Tr chuẩn bị làm lễ ăn hỏi cho con gái thì có Lê Danh M, Lê Xuân A, Lê Xuân T đến nhà chơi, sau đó các đối tượng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi “ba cây” ăn tiền. Tr đồng ý và lấy bộ bài tú lơ khơ rồi cùng đánh bạc với M, A, T. Sau đó, lần lượt có Nguyễn Giang N, Lê Xuân B, Nguyễn Đức D, Lê Công Đ, Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức U đến và Lê Công U đi chơi về. Sau khi chơi khoảng 30 phút có khác đến chơi Tr và A nghỉ không chơi nữa thì N, B, D, Đ, L, U, U cùng với T, M tiếp tục đánh bạc đến 23 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Chương Mỹ bắt giữ quả tang. Thu giữ vật chứng gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân, 01 chiếu cói, tiền thu trên chiếu bạc là 1.500.000đồng. Tổng số tiền thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc là 22.480.000đồng. Trong đó, số tiền không sử dụng đánh bạc là 13.320.000đồng, số tiền các bị can dùng đánh bạc và sẽ dùng đánh bạc là 10.660.000đồng (Mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo thực hiện nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, an ninh xã hội. Việc các bị cáo đánh bạc hình thức 3 cây được thua sát phạt nhau bằng tiền là hình thức đánh bạc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, gây mất trật tự trị an xã hội. Khi phạm tội các bị cáo có đủ năng lực nhận thức

được hành vi của mình cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng với các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo đều lần đầu bị đưa ra xét xử, phạm tội ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo N có bố đẻ là bệnh binh, bố mẹ được tặng Huân chương kháng chiến, bị cáo M có bố đẻ tham gia kháng chiến chống Mỹ bị nhiễm chất độc da cam, bị cáo A và B có bà nội là bà mẹ Việt Nam anh Hùng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đánh giá vai trò và áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

Căn cứ vào hành vi của các bị cáo, số tiền các bị cáo đánh bạc để phân hóa vai trò đồng phạm của các bị cáo thì thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn các bị cáo đều có vai trò là người thực hành.

Bị cáo Lê Công Tr là người chuẩn bị công cụ phương tiện là bài tú lơ khơ cho để đánh bạc, bị cáo Tr và con Lê Công U(đi chơi về sau) cùng là chủ sử dụng nơi ở đồng ý cùng các bị cáo Lê Danh M, Lê Xuân A, Lê Xuân T, Nguyễn Giang N, Lê Xuân B, Nguyễn Đức D, Lê Công Đ, Nguyễn Đức L, Nguyễn Đức U đánh bạc. Khi đánh bạc bị cáo Tr là chủ nh, chuẩn bị bài đánh bạc và có nhiều tiền sử dụng đánh bạc nhất là 3.000.000đ nên có vai trò đầu nên phải chịu hình phạt cao nhất trong vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Đức L có 2.750.000đ, bị cáo Lê Xuân T có 2.000.000đ là bị cáo có nhiều tiền sử dụng đánh bạc và tham gia đánh bạc từ đầu nên ở nhóm thứ 2.

Còn lại các bị cáo bị cáo Lê Công U có 800.000đ, Nguyễn Đức D có 600.000đ, bị cáo Nguyễn Giang N có 400.000đ, bị cáo Lê Xuân B có 420.000đ, bị cáo Nguyễn Đức U có 340.000đ, bị cáo Lê Danh M có 220.000đ, bị cáo Lê Công Đ có 100.000đ, là những bị cáo có ít tiền sử dụng đánh bạc và bị cáo Lê Xuân A có 30.000đ đánh đầu tiên nhưng sau đó đã dừng không đánh bạc nên ở nhóm thứ 3 và áp dụng mức hình phạt thấp hơn.

Căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có thường trú rõ ràng vì vậy không cần thiết phải cách ly xã hội mà áp dụng Điều 65, khoản 1 Điều 35, Điều 36 Bộ

luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Lê Công Tr hưởng án treo, các bị cáo Nguyễn Đức L, bị cáo Lê Xuân T cải tạo không giam giữ tại nơi cư trú và các bị cáo còn lại áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ giáo dục và phòng ngừa nói chung.

Các bị cáo L và T đều làm ruộng, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Tr, L, T.

Vật chứng: Xác định số tiền dùng đánh bạc và sẽ dùng đánh bạc 10.660.000đồng (Mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) nên tịch thu sung quỹ Nhà Nước; 01 bộ bài lá tú lơ khơ gồm 36 quân bài từ quân át đến quân 9 ; 01 chiếc cối là công cụ phương tiện phạm tội không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Việc xử lý vật chứng theo quy định điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Đối với số tiền các bị cáo để trong ví không bỏ ra ngoài để đánh bạc gồm có: của Lê Xuân T 10.500.000đồng; Lê Công Đ số tiền 320.000đồng; Lê Xuân A 2.500.000 đồng. Ngày 05/12/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Chương Mỹ có Quyết định xử lý vật chứng số 11 trả lại số tiền này cho Lê Xuân T, Lê Công Đ, Lê Xuân A là có căn cứ đúng pháp luật.

Vì vậy chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố xét xử các bị cáo theo tội danh điều luật quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều luật áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng là có căn cứ đúng pháp luật.

Tuy nhiên trong giai đoạn xét xử sơ thẩm ngày 26/12/2019 Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đã trả hồ sơ cho VKSND huyện Chương Mỹ để Khởi tố và truy tố bị can Lê Công Tr về tội “**Gá bạc**” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 nhưng VKSND huyện Chương Mỹ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng 02/CT-VKS ngày 12/12/2018. Do đó căn cứ vào Điều 298 BLTTHS 2015 giới hạn của xét xử, Hội đồng xét xử chỉ mà xét xử bị cáo Tr về tội “**Đánh bạc**” theo Điều 321 BLHS và xem xét quyết định hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội.

[2] Tính hợp pháp của các hành vi, các quyết định tố tụng: của Cơ quan điều tra Công an huyện Chương Mỹ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[3]Về án phí: Các bị cáo tuyên có tội phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Lê Công Tr**

- Căn cứ khoản khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ Luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Lê Xuân T, Nguyễn Đức L.**

- Căn cứ khoản khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 35 Bộ Luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Lê Danh M, Lê Xuân A, Lê Công U, Nguyễn Giang N, Lê Xuân B, Nguyễn Đức D, Lê Công Đ, Nguyễn Đức U.**

- Căn cứ Khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Giang N, Lê Danh M, Lê Xuân A, Lê Xuân B.

Tuyên bố: Các bị cáo **Lê Công Tr, Lê Xuân T, Nguyễn Đức L, Lê Danh M, Lê Xuân A, Lê Công U, Nguyễn Giang N, Lê Xuân B, Nguyễn Đức D, Lê Công Đ, Nguyễn Đức U** phạm tội “*Đánh bạc*”.

Hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo **Lê Công Tr** 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Công Tr cho UBND xã Phú Nam An huyện Chương Mỹ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách của án treo trường hợp các bị cáo Tr thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Lê Xuân T, Nguyễn Đức L** mỗi bị cáo 15 tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi 03 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Phú Nam An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Đức L cho UBND xã Phú Nam An, huyện Chương Mỹ giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lê Xuân T, Nguyễn Đức L.

- Xử phạt bị cáo: **Lê Công U, Nguyễn Đức D** mỗi bị cáo phải nộp số tiền **25.000.000đ** sung quỹ Nhà Nước.

- Xử phạt bị cáo: **Lê Danh M, Lê Xuân A, Nguyễn Giang N, Lê Xuân B, Lê Công Đ, Nguyễn Đức U** mỗi bị cáo phải nộp số tiền 20.000.000đ sung quỹ Nhà Nước.

Hình phạt bổ sung :

Phạt bị cáo **Lê Công Tr** phải nộp số tiền 12.000.000đ sung quỹ Nhà Nước

Phạt bị cáo **Lê Xuân T, Nguyễn Đức L** mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000đ sung quỹ Nhà Nước.

Vật chứng: Căn cứ Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

-Tịch thu sung quỹ Nhà Nước số tiền 10.660.000đồng (Mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền này đang gửi tại tài khoản số 39490.1052753.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Chương Mỹ, theo Giấy nộp tiền do Công an huyện Chương Mỹ nộp ngày 12/12/2018.

-Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài lá tú lơ khơ gồm 36 quân bài từ quân át đến quân 9; 01 chiếc còi.

(Vật chứng, tình trạng vật chứng đã được bàn giao nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo biên bản bàn giao ngày 12/12/2018.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an huyện Chương Mỹ;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục T.H.A DS H. Chương Mỹ;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- UBND xã Phú N;
- Lưu, Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ THỊ THU THỦY

